

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 43/2022/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 09 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn, công cụ, mô hình, phương pháp quản lý tiên tiến, đạt giải thưởng chất lượng, có sản phẩm, hàng hóa công bố tiêu chuẩn cơ sở, công bố hợp chuẩn và áp dụng truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023-2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật đo lường;

Xét Tờ trình số 610/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn, công cụ, mô hình, phương pháp quản lý tiên tiến, đạt giải thưởng chất lượng, có sản phẩm, hàng hóa công bố tiêu chuẩn cơ sở, công bố hợp chuẩn và áp dụng truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023-2030.

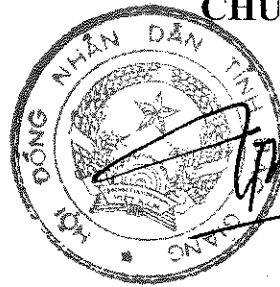
Điều 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 17/2011/NQ-HĐND ngày 19/7/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang về Quy định mức hỗ trợ các tổ chức áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, đạt giải thưởng chất lượng, có sản phẩm, hàng hóa được chứng nhận hợp chuẩn và Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 17/2011/NQ-HĐND ngày 19/7/2011 của HĐND tỉnh Bắc Giang về Quy định mức hỗ trợ các tổ chức áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, đạt giải thưởng chất lượng, có sản phẩm, hàng hóa được chứng nhận hợp chuẩn.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khóa XIX, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030. /

Nơi nhận: *ML*

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế: Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT - XH tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIX;
- Thường trực: Huyện ủy, HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Các Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Công Thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

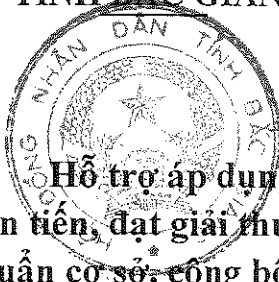


CHỦ TỊCH

Lê Thị Thu Hồng
Lê Thị Thu Hồng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



QUY ĐỊNH

Hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn, công cụ, mô hình, phương pháp quản lý tiên tiến, đạt giải thưởng chất lượng, có sản phẩm, hàng hóa công bố tiêu chuẩn cơ sở, công bố hợp chuẩn và áp dụng truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023-2030

(Kèm theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định nội dung, trình tự, thủ tục, mức hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn, công cụ, mô hình, phương pháp quản lý tiên tiến, đạt giải thưởng chất lượng, có sản phẩm, hàng hóa công bố tiêu chuẩn cơ sở, công bố hợp chuẩn và áp dụng truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023-2030.

2. Không hỗ trợ trong trường hợp áp dụng tiêu chuẩn, công cụ, mô hình, phương pháp quản lý tiên tiến, sản phẩm hàng hóa được chứng nhận hợp chuẩn mà theo quy định bắt buộc phải áp dụng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị nhà nước được UBND tỉnh giao nhiệm vụ thực hiện.
2. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là tổ chức) hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, đóng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

Trong cùng một thời điểm, đối với nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ nguồn ngân sách của tỉnh thì tổ chức được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

Điều 4. Nguồn kinh phí

1. Kinh phí thực hiện các chính sách được quy định tại Nghị quyết này được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước cấp tỉnh.

2. Quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí: Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các chính sách quy định tại Nghị quyết này theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

NỘI DUNG, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, MỨC HỖ TRỢ TỔ CHỨC ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN, CÔNG CỤ, MÔ HÌNH, PHƯƠNG PHÁP QUẢN LÝ TIÊN TIẾN

Điều 5. Nội dung, mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ 50% chi phí xây dựng, áp dụng và đánh giá cho tổ chức được chứng nhận, công nhận phù hợp yêu cầu tiêu chuẩn do Tổ chức Tiêu chuẩn hóa quốc tế ISO ban hành: ISO 14000, ISO 50001, ISO 31000, ISO/IEC 17025, ISO 22000, ISO 15189 nhưng tối đa không quá 50 triệu đồng/tiêu chuẩn.

2. Hỗ trợ 50% chi phí xây dựng, áp dụng và đánh giá cho tổ chức được chứng nhận, công nhận phù hợp yêu cầu tiêu chuẩn SA8000, HACCP, GMP và tiêu chuẩn do Tổ chức Tiêu chuẩn hóa quốc tế ISO ban hành (trừ các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này) nhưng tối đa không quá 40 triệu đồng/tiêu chuẩn.

3. Hỗ trợ 50% chi phí xây dựng, áp dụng mô hình, phương pháp, công cụ quản lý tiên tiến gồm: LEAN, SIX SIGMA, KPI, TPM, TWI nhưng tối đa không quá 50 triệu đồng/mô hình, phương pháp, công cụ.

4. Hỗ trợ 50% chi phí xây dựng, áp dụng mô hình, phương pháp, công cụ quản lý tiên tiến gồm: 5S, KAIZEN, 7 QC Tools, SPC, Quickchange over (chuyển đổi nhanh) nhưng tối đa không quá 40 triệu đồng/mô hình, phương pháp, công cụ.

5. Hỗ trợ 70% tổng chi phí xây dựng, áp dụng và chứng nhận cho tổ chức áp dụng đồng thời từ 02 tiêu chuẩn, mô hình, phương pháp, công cụ quản lý tiên tiến được chứng nhận trong cùng một năm trở lên nhưng tối đa không quá 120 triệu đồng/tổ chức.

6. Mỗi tổ chức được hỗ trợ 01 lần đối với mỗi tiêu chuẩn, mô hình, phương pháp, công cụ quản lý tiên tiến; Tổng mức hỗ trợ đối với các nội dung được quy định tại Điều này tối đa không quá 200 triệu đồng/tổ chức.

Điều 6. Hồ sơ, trình tự, thủ tục hỗ trợ

1. Thành phần hồ sơ

a) Đối với nội dung hỗ trợ được quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 5 của Quy định này, hồ sơ gồm có:

Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 01 được quy định tại phụ lục kèm theo);

Bản sao giấy chứng nhận đăng ký tổ chức;

Bản sao giấy chứng nhận, công nhận đã được đánh giá phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn, mô hình, phương pháp, công cụ quản lý tiên tiến do tổ chức chứng nhận, tổ chức công nhận hợp pháp cấp;

Bảng chứng chứng minh chi phí xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, mô hình, phương pháp, công cụ quản lý tiên tiến: Bản sao hợp đồng và hóa đơn với tổ chức đánh giá sự phù hợp; Bản sao hợp đồng, thanh lý hợp đồng với tổ chức thực hiện dịch vụ, tổ chức tư vấn (nếu có); các hóa đơn, chứng từ tài chính có liên quan (nếu có).

b) Đối với nội dung hỗ trợ được quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 5 của Quy định này, hồ sơ gồm có:

Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 01 được quy định tại phụ lục kèm theo);

Bản sao giấy chứng nhận đăng ký tổ chức;

Báo cáo kết quả xây dựng, áp dụng mô hình, phương pháp, công cụ quản lý tiên tiến tại tổ chức;

Bảng chứng chứng minh chi phí xây dựng, áp dụng mô hình, phương pháp, công cụ quản lý tiên tiến: Bản sao hợp đồng, thanh lý hợp đồng với tổ chức thực hiện dịch vụ, tổ chức tư vấn; các hóa đơn, chứng từ tài chính có liên quan (nếu có).

2. Trình tự, thủ tục xét hỗ trợ

a) Tổ chức có nhu cầu hỗ trợ gửi 01 bộ hồ sơ gồm những thành phần quy định tại khoản 1 Điều này đến Bộ phận Một cửa của Sở Khoa học và Công nghệ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để đề nghị hỗ trợ.

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra xác minh thực tế và tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định; Trường hợp sau khi kiểm tra, xác minh và thẩm định hồ sơ, nếu không đủ điều kiện hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Mục 2

NỘI DUNG, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, MỨC HỖ TRỢ TỔ CHỨC ĐẠT GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG

Điều 7. Nội dung, mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ 40 triệu đồng đối với tổ chức đạt giải thưởng chất lượng Quốc gia.
2. Hỗ trợ 60 triệu đồng đối với tổ chức đạt giải vàng chất lượng Quốc gia.
3. Hỗ trợ 90 triệu đồng đối với tổ chức đạt giải thưởng chất lượng quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương.

Điều 8. Hồ sơ, trình tự, thủ tục hỗ trợ

1. Thành phần hồ sơ

- a) Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 01 được quy định tại phụ lục kèm theo);
- b) Bản sao giấy chứng nhận đạt giải thưởng chất lượng Quốc gia hoặc bản sao giấy chứng nhận đạt Giải thưởng chất lượng quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương.

2. Trình tự, thủ tục xét hỗ trợ

a) Tổ chức có nhu cầu hỗ trợ gửi 01 bộ hồ sơ gồm những thành phần quy định tại khoản 1 Điều này đến Bộ phận Một cửa của Sở Khoa học và Công nghệ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để đề nghị hỗ trợ.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định; Trường hợp sau khi kiểm tra, xác minh và thẩm định hồ sơ, nếu không đủ điều kiện hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Mục 3

NỘI DUNG, TRÌNH TỰ THỰC HIỆN, MỨC HỖ TRỢ TỔ CHỨC XÂY DỰNG, ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN CHO SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Điều 9. Nội dung, mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ 10 triệu đồng/sản phẩm cho tổ chức công bố tiêu chuẩn cơ sở đối với sản phẩm được chứng nhận OCOP của tỉnh.

2. Hỗ trợ cho tổ chức có sản phẩm, hàng hóa thực hiện công bố hợp chuẩn theo tiêu chuẩn Quốc gia (TCVN)

a) Hỗ trợ 10 triệu đồng/sản phẩm đối với trường hợp công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức sản xuất, kinh doanh (bên thứ nhất) theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Hỗ trợ 15 triệu đồng/sản phẩm đối với trường hợp công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận đã đăng ký (bên thứ ba) theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Hỗ trợ cho tổ chức có sản phẩm, hàng hóa thực hiện công bố hợp chuẩn theo tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực.

a) Hỗ trợ 15 triệu đồng/sản phẩm đối với trường hợp công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức sản xuất, kinh doanh (bên thứ nhất) theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Hỗ trợ 20 triệu đồng/sản phẩm đối với trường hợp công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận đã đăng ký (bên thứ ba) theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Mỗi tổ chức được hỗ trợ 01 lần đối với mỗi tiêu chuẩn, mỗi sản phẩm chỉ được hỗ trợ 01 lần; tổng mức hỗ trợ đối với các nội dung quy định tại Điều này tối đa không quá 100 triệu đồng/tổ chức.

Điều 10. Hồ sơ, trình tự, thủ tục xét hỗ trợ

1. Thủ tục hỗ trợ tổ chức công bố tiêu chuẩn cơ sở (trường hợp này quy định tại khoản 1 Điều 9 của Quy định này)

a) Thành phần hồ sơ

Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 01 được quy định tại phụ lục kèm theo);

Bản sao giấy chứng nhận đăng ký tổ chức;

Bản sao giấy chứng nhận sản phẩm OCOP;

Bản sao hợp đồng tư vấn xây dựng tiêu chuẩn cơ sở;

Bản chính hồ sơ công bố tiêu chuẩn cơ sở theo quy định (gồm: Quyết định công bố tiêu chuẩn cơ sở và bộ tiêu chuẩn cơ sở).

b) Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Quy định này.

2. Thủ tục hỗ trợ tổ chức công bố hợp chuẩn (trường hợp này được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 9 của Quy định này)

a) Thành phần hồ sơ

Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 01 được quy định tại phụ lục kèm theo);

Bản sao Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn do cơ quan có thẩm quyền cấp và còn hiệu lực.

b) Trình tự, thủ tục hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Quy định này.

Mục 4

NỘI DUNG, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, MỨC HỖ TRỢ TỔ CHỨC ÁP DỤNG

TRUY XUẤT NGUỒN GỐC (TXNG)

Điều 11. Nội dung, mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng hệ thống TXNG nhưng tối đa không quá 20 triệu đồng/tổ chức.

2. Hỗ trợ 50% chi phí đánh giá chứng nhận hệ thống TXNG nhưng tối đa không quá 20 triệu đồng/tổ chức.

3. Hỗ trợ 100% phí đăng ký mã số mã vạch, mã truy vết sản phẩm, mã truy vết địa điểm nhưng tối đa không quá 10 triệu đồng/tổ chức.

4. Hỗ trợ 5 triệu đồng/sản phẩm đối với tổ chức có sản phẩm, hàng hóa đưa lên cổng TXNG của tỉnh hoặc của quốc gia nhưng tối đa không quá 20 triệu đồng/tổ chức.

5. Mỗi tổ chức được hỗ trợ 01 lần/năm và tối đa không quá 02 lần, mỗi sản phẩm chỉ được hỗ trợ 01 lần; Tổng mức hỗ trợ đối với các nội dung được quy định tại Điều này tối đa không quá 100 triệu đồng/tổ chức/năm; ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ khi có sản phẩm đầu ra cuối cùng có thể truy xuất nguồn gốc.

Điều 12. Hồ sơ, trình tự, thủ tục xét hỗ trợ

1. Thành phần hồ sơ

a) Đối với nội dung hỗ trợ được quy định tại khoản 1 Điều 11 của Quy định này, hồ sơ gồm có:

Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 02 được quy định tại phụ lục kèm theo);

Bản sao giấy chứng nhận đăng ký tổ chức;

Bảng chứng chứng minh chi phí xây dựng hệ thống TXNG: Bản sao hợp đồng, thanh lý hợp đồng với tổ chức thực hiện dịch vụ, tổ chức tư vấn; các hóa đơn, chứng từ tài chính có liên quan (nếu có).

b) Đối với nội dung hỗ trợ được quy định tại khoản 2 Điều 11 của Quy định này, hồ sơ gồm có:

Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 02 được quy định tại phụ lục kèm theo);

Bản sao giấy chứng nhận đăng ký tổ chức;

Bản sao giấy chứng nhận hệ thống TXNG đã được tổ chức chứng nhận hợp pháp cấp;

Bảng chứng chứng minh chi phí đánh giá chứng nhận hệ thống TXNG: Bản sao hợp đồng và hóa đơn với tổ chức đánh giá sự phù hợp; Bản sao hợp đồng, thanh lý hợp đồng với tổ chức thực hiện dịch vụ (nếu có); các hóa đơn, chứng từ tài chính có liên quan (nếu có).

c) Đối với nội dung hỗ trợ được quy định tại khoản 3 Điều 11 của Quy định này, hồ sơ gồm có:

Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 02 được quy định tại phụ lục kèm theo);

Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số mã vạch, mã truy vết sản phẩm, mã truy vết địa điểm;

Bảng chứng chứng minh chi phí tư vấn, đăng ký mã số mã vạch, mã truy vết sản phẩm, mã truy vết địa điểm: Bản sao hợp đồng, thanh lý hợp đồng với tổ chức thực hiện dịch vụ (nếu có); Bảng chứng chứng minh đã nộp tiền phí, lệ phí (gồm: các hóa đơn, biên lai nộp tiền qua tài khoản ngân hàng, bản sao kê nộp tiền qua tài khoản ngân hàng).

d) Đối với nội dung hỗ trợ được quy định tại khoản 4 Điều 11 của Quy định này, hồ sơ gồm có:

Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 02 được quy định tại phụ lục kèm theo);

Bảng chứng chứng minh sản phẩm đã được đưa lên Cổng TXNG của tỉnh hoặc của Quốc gia;

2. Trình tự, thủ tục xét hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Quy định này./.

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Quy định hỗ trợ được ban hành kèm theo Nghị quyết số 43/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

Mẫu số 01. Đơn đề nghị hỗ trợ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Hỗ trợ tổ chức¹

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Giang.

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Điện thoại:.....Fax:.....

Số tài khoản.....tại ngân hàng.....

Loại hình hoạt động/ lĩnh vực kinh doanh:.....

(1) Kể từ ngày..... chúng tôi thực hiện xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, công cụ, mô hình, phương pháp quản lý tiên tiến theo²....., đã được tổ chức...³... cấp Giấy chứng nhận số ngày cấp (nếu có).

(2) (Tên tổ chức) đạt ...(Tên giải thưởng chất lượng cụ thể)... theo Quyết định số ...⁴...

(3) (Tên tổ chức) có sản phẩm ...(tên sản phẩm cụ thể)... được chứng nhận là sản phẩm OCOP theo Quyết định số ...⁵...; chúng tôi đã thực hiện xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở số ...(số hiệu tiêu chuẩn)... cho sản phẩm...(tên sản phẩm OCOP cụ thể nói trên).

(4) (Tên tổ chức) đã thực hiện công bố hợp chuẩn đối với sản phẩm ...(tên sản phẩm cụ thể) phù hợp theo tiêu chuẩn ...(tên tiêu chuẩn cụ thể)... theo hình thức...⁶...

¹ Ghi nội dung đề nghị hỗ trợ theo tình hình thực tế của tổ chức: áp dụng tiêu chuẩn, công cụ, mô hình, phương pháp quản lý tiên tiến; Đạt giải thưởng chất lượng; công bố tiêu chuẩn cơ sở; công bố hợp chuẩn.

² Ghi số hiệu tiêu chuẩn, công cụ, mô hình, phương pháp quản lý tiên tiến cụ thể. Ví dụ: ISO 9001:2015; Công cụ 5S; mô hình sản xuất tinh gọn Lean...

³ Ghi tên tổ chức đánh giá sự phù hợp

⁴ Trích dẫn cụ thể số Quyết định, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền ban hành Quyết định và tên Quyết định

⁵ Trích dẫn cụ thể số Quyết định, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền ban hành Quyết định và tên Quyết định

⁶ Có 02 hình thức được ghi cụ thể như sau: (1) trường hợp công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của bên thứ nhất ghi như sau: tự đánh giá, đã hoàn thiện quy trình công bố hợp chuẩn và được Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Bắc Giang tiếp nhận tại Thông báo số ngày .../.../....; (2) trường hợp công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận của bên thứ 3 thì ghi như sau: dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức ...(tên tổ chức chứng nhận)... theo giấy chứng nhận số ngày.../.../....

Căn cứ theo Nghị quyết số/NQ-HĐND, ngày.../.../..... của HĐND tỉnh Bắc Giang, chúng tôi kính đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, hỗ trợ kinh phí theo quy định. Số tiền được hỗ trợ xin chuyển vào tài khoản của tổ chức ghi ở trên.

Bắc Giang, ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Trường hợp hỗ trợ tổ chức áp dụng tiêu chuẩn, công cụ, mô hình, phương pháp quản lý tiên tiến.
- (2) Trường hợp hỗ trợ tổ chức đạt giải thưởng chất lượng.
- (3) Trường hợp hỗ trợ tổ chức công bố tiêu chuẩn cơ sở.
- (4) Trường hợp hỗ trợ tổ chức công bố hợp chuẩn.

Mẫu số 02. Đơn đề nghị hỗ trợ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Hỗ trợ tổ chức áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc**

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Giang.

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Điện thoại:.....Fax:.....

Số tài khoản.....tại ngân hàng.....

Loại hình hoạt động/ lĩnh vực kinh doanh:.....

(Tên tổ chức) triển khai hoạt động truy xuất nguồn gốc áp dụng đối với sản phẩm ...(tên sản phẩm cụ thể)... đã thực hiện những nội dung cụ thể như sau:

(1) Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc áp dụng đối với sản phẩm (tên sản phẩm) do tổ chức sản xuất và kinh doanh (nếu có);

(2) Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc áp dụng đối với sản phẩm (tên sản phẩm) do tổ chức sản xuất và kinh doanh, đã được ...(tên tổ chức đánh giá sự phù hợp)... đánh giá chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn ...(số hiệu tiêu chuẩn và tên tiêu chuẩn)... (nếu có);

(3) Thực hiện đăng ký mã số mã vạch, mã truy vết sản phẩm, mã truy vết địa điểm nhằm đáp ứng yêu cầu của hệ thống truy xuất nguồn gốc (nếu có);

(4) Thực hiện đưa ...(số lượng sản phẩm)... đã áp dụng truy xuất nguồn gốc lên cổng TXNG của tỉnh hoặc của Quốc gia (nếu có).

Căn cứ theo Nghị quyết số/NQ-HĐND, ngày.../.../..... của HĐND tỉnh Bắc Giang, chúng tôi kính đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, hỗ trợ kinh phí theo quy định. Số tiền được hỗ trợ xin chuyển vào tài khoản của tổ chức ghi ở trên.

(Tên tổ chức) cam kết duy trì hoạt động truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa: Thường xuyên cập nhật thông tin liên quan về TXNG sản phẩm, hàng hóa lên nhật ký điện tử, trên cổng TXNG của tỉnh hoặc của Quốc gia (nếu thực hiện); Thực hiện kích hoạt thông tin TXNG đối với mỗi lô sản phẩm theo đúng yêu cầu của hệ thống TXNG...

Bắc Giang, ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

